

Số: 1095/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 19 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Tăng cường giải pháp chống thất thu thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh tại Tờ trình số 2959/TTr-CTTVI ngày 14 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Tăng cường giải pháp chống thất thu thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Trà Vinh” như đề xuất của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh tại Tờ trình số 2959/TTr-CTTVI ngày 14 tháng 7 năm 2023 (Đính kèm Đề án số 2954/ĐA-CTTVI ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh).

Điều 2. Cục Thuế tỉnh là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Đề án này đảm bảo đúng mục tiêu đề ra; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Điều 3. Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ động, tích cực phối hợp với cơ quan Thuế triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp đề ra tại Đề án này nhằm chống thất thu thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện đạt chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BLĐ VP. UBND tỉnh;
- Các Phòng NC;
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KT. 04

CHỦ TỊCH


Lê Văn Hân

Số: /ĐA-CTTVI

Trà Vinh, ngày tháng năm

ĐỀ ÁN
Tăng cường giải pháp chống thất thu thuế
đối với hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Hiện nay, công tác quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường bộ trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế, bất cập; nhất là các phương tiện vận tải của các hộ kinh doanh tại các xã, phường, thị trấn; một số tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải nhưng chưa tự giác kê khai, thực hiện nghĩa vụ thuế theo đúng quy định của pháp luật; trong khi đó công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong quản lý cũng chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ. Còn có sự chênh lệch rất lớn giữa số liệu kê khai thuế và số liệu quản lý vận tải của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành. Số phương tiện do cơ quan thuế đưa vào quản lý thuế còn thấp so với số phương tiện thực tế đang hoạt động trên địa bàn.

Xuất phát từ thực tế nêu trên và để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cần phải có các giải pháp chống thất thu thuế đồng bộ, quyết liệt, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, góp phần phát triển ngành kinh doanh vận tải nói chung và kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh nhà nói riêng, đòi hỏi Cục Thuế phải ban hành và trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án “*Tăng cường giải pháp chống thất thu thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*”.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ kiến nghị tại Báo cáo thẩm tra số 161/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 7 – Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X.

III. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

Nhằm tăng cường công tác quản lý thu thuế, khai thác nguồn thu, chống thất thu thuế một cách đồng bộ, thống nhất, hiệu quả đối với lĩnh vực kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách được giao hàng năm.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền, sự chủ động phối hợp giữa cơ quan thuế với các đơn vị có liên quan trong công tác quản lý thuế nhằm ngăn ngừa và chống thất thu thuế đối với lĩnh vực kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về thuế của người nộp thuế trong việc thực hiện các quy định của pháp luật nói chung và chính sách thuế nói riêng trong lĩnh vực kinh doanh vận tải bằng phương tiện ô tô.

- Tạo sự công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, đảm bảo lành mạnh hóa trong hoạt động đầu tư, kinh doanh.

- Chấn chỉnh, kịp thời xử lý các hành vi vi phạm về thuế trong lĩnh vực kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

- Tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước nói chung, quản lý thuế nói riêng đối với lĩnh vực kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, gắn công tác quản lý trong lĩnh vực kinh doanh vận tải bằng xe ô tô với công tác quản lý thu ngân sách, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành.

- Kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về thuế phù hợp với thực tiễn.

3. Yêu cầu

- Triển khai thực hiện đúng quy định của pháp luật về thuế và đạt hiệu quả cao; tăng cường sự phối hợp, hỗ trợ giữa cơ quan Thuế, các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; Hội đồng tư vấn thuế thuế xã, phường, thị trấn và người nộp thuế trong lĩnh vực kinh doanh vận tải bằng ô tô trên địa bàn tỉnh.

- Kết hợp các biện pháp tuyên truyền, vận động với kiểm tra, giám sát, đấu tranh để người nộp thuế tự giác thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế đúng quy định của pháp luật về thuế; đồng thời xử lý nghiêm nếu người nộp thuế có các hành vi vi phạm pháp luật thuế.

- Thường xuyên theo dõi, nắm tình hình triển khai thực hiện đề án, đôn đốc, hướng dẫn, xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, THU THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRONG THỜI GIAN QUA; NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, THU THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Tình hình quản lý hoạt động kinh doanh vận tải đến 31/12/2022

- Tính đến thời điểm 31/12/2022, toàn tỉnh đã quản lý 154 tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải, gồm: 03 Công ty Cổ phần, 14 Công ty trách nhiệm hữu hạn, 08 Hợp tác xã, 03 Doanh nghiệp tư nhân và 126 hộ, cá nhân kinh doanh.

- Tổng số phương tiện (xe) hoạt động kinh doanh vận tải là 2.355 xe; trong đó: 1.588 xe kinh doanh vận tải hành khách, 767 xe kinh doanh vận tải hàng hóa.

- Tổng số xe đã kê khai nộp thuế là 404 xe; trong đó: 171 xe kinh doanh vận tải hành khách, 233 xe kinh doanh vận tải hàng hóa.

- Tổng số xe chưa kê khai nộp thuế là 1.951 xe (trong đó: xe vận tải hành khách là 1.417 xe và xe vận tải hàng hóa là 534 xe) tập trung ở một số địa bàn theo khu vực như: Khu vực Duyên Hải: 1.398 xe; Khu vực Cầu Ngang - Trà Cú: 470 xe; Khu vực Tiểu Cần - Cầu kè: 50 xe; Khu vực TP Trà Vinh - Châu Thành: 19 xe; Càng Long 14 xe.

Số phương tiện vận tải chưa kê khai, nộp thuế nêu trên do các cá nhân, hộ kinh doanh núp bóng các Hợp tác xã, vào đăng ký xã viên Hợp tác xã nhưng tài sản (xe) vẫn đứng tên cá nhân, hộ kinh doanh và tự kinh doanh nhưng không kê khai nộp thuế. Hàng tháng, các xã viên là chủ xe nộp cho Hợp tác xã một khoản phí cấp phù hiệu cho từng đầu xe, đây là nguồn thu chính của các Hợp tác xã để duy trì hoạt động. Các Hợp tác xã không tổ chức kinh doanh vận tải không chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh và chia lợi nhuận cho các xã viên.

Các Chi cục Thuế chưa chủ động rà soát và làm việc với các Hợp tác xã, các chủ phương tiện để đưa các đầu xe chưa kê khai nộp thuế vào quản lý thu thuế.

2. Kết quả quản lý thu thuế đối với kinh doanh vận tải đến 31/12/2022

Tổng số thuế lập bộ năm 2022 đến 31/12/2022 đối với lĩnh vực hoạt động kinh doanh vận tải bằng ô tô trên địa bàn tỉnh là 2.780 triệu đồng; trong đó:

Số lượng phương tiện vận tải quản lý lập bộ thuế đến thời điểm 31/12/2022 là 404 xe; tổng thuế lập bộ năm 2022 là 2.780 triệu đồng; số thuế lập bộ bình quân xe/tháng là 0,573 triệu đồng; gồm:

- Xe vận tải hành khách lập bộ là 171 xe; số tiền thuế lập bộ là 982 triệu đồng; số thuế lập bộ bình quân xe/tháng là 0,203 triệu đồng.

- Xe vận tải hàng hóa lập bộ là 233 xe; số tiền thuế lập bộ là 1.797 triệu đồng; số thuế lập bộ bình quân xe/tháng là 0,371 triệu đồng.

(Tổng hợp tại biểu số 1)

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Tồn tại, hạn chế

- Số thu thuế chưa tương xứng với quy mô và mức độ hoạt động của lĩnh vực kinh doanh vận tải bằng ô tô trên địa bàn; tình trạng gian lận thuế, số lượng xe kinh doanh vận tải chưa kê khai nộp thuế chiếm tỷ trọng lớn, nhất là xe kinh doanh vận tải hàng hóa.

- Chủ phương tiện hoạt động vận tải tại Trà Vinh nhưng đến các địa phương khác xin cấp phù hiệu hoạt động kinh doanh vận tải; trong đó, có một số chủ phương tiện “núp bóng” các Hợp tác xã vận tải của các tỉnh, thành phố khác để xin cấp phù hiệu kinh doanh vận tải nhằm tránh sự quản lý của các cơ quan nhà nước để trốn tránh nghĩa vụ thuế, không nộp thuế tại nơi xin cấp phù hiệu và nơi đăng ký thường trú của chủ phương tiện vận tải tại Trà Vinh.

Mặt khác có trường hợp chủ phương tiện vận tải tham gia thành viên Hợp tác xã vận tải tại Trà Vinh để xin cấp phù hiệu kinh doanh vận tải (thực chất phương tiện vận tải là tài sản của tư nhân, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh

doanh, chỉ nộp cho Hợp tác xã một khoản tiền phí dịch vụ). Hợp tác xã không kê khai nộp thuế đối với khoản tiền dịch vụ nhận được và chủ phương tiện vận tải (thành viên Hợp tác xã) cũng không kê khai nộp thuế đối với doanh thu từ hoạt động vận tải.

- Chủ phương tiện có xe kinh doanh vận tải nhưng hoạt động dưới dạng xe phục vụ gia đình, phục vụ kinh doanh ngành nghề khác, không đăng ký hoạt động theo đúng loại hình kinh doanh vận tải để kê khai nộp thuế.

- Một số chủ xe đăng ký biển số xe ngoài tỉnh nhưng hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh không đăng ký thuế, không chấp hành kê khai nộp thuế tại tỉnh Trà Vinh.

- Một số doanh nghiệp, Hợp tác xã đã đăng ký thuế nhưng còn vi phạm về hóa đơn chứng từ, kê khai thuế, như xuất hóa đơn không đầy đủ, chưa đúng doanh thu thực tế phát sinh hoặc chỉ xuất hóa đơn cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng hóa đơn để hạch toán chi phí, thanh toán cá nhân;...từ đó kê khai thuế chưa sát với thực tế kinh doanh.

2. Nguyên nhân

- Theo quy định của Luật Hợp tác xã và theo pháp luật về thuế thì các Hợp tác xã có thành viên tham gia góp vốn bằng xe ô tô để kinh doanh vận tải phải đăng ký, kê khai, nộp thuế đối với hoạt động kinh doanh này. Tuy nhiên Luật Hợp tác xã có quy định các Hợp tác xã được làm dịch vụ cho thành viên, nên lợi dụng việc này một số HTX vận tải kết nạp thành viên (thành viên đưa tài sản xe ô tô vào Hợp tác xã) chỉ để xin cấp phù hiệu kinh doanh vận tải cho thành viên (chủ xe) và thu phí, mà không đăng ký, kê khai, nộp thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải của Hợp tác xã.

- Trách nhiệm của cơ quan thuế, công chức thuế trong việc thực thi nhiệm vụ chưa cao, công tác thống kê số lượng phương tiện vận tải trên địa bàn chưa đầy đủ; việc kiểm tra hồ sơ khai thuế chưa chặt chẽ, một số doanh nghiệp, Hợp tác xã kê khai chưa đúng doanh thu, số thuế phải nộp nhưng chưa được kiểm tra, xử lý kịp thời.

- Chưa có sự phối hợp trong công tác quản lý thu thuế, quản lý phương tiện vận tải và kiểm tra, xử lý về thuế giữa các ngành: Thuế, Giao thông vận tải, Đăng kiểm, Công an, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và UBND các cấp.

- Tính tự giác chấp hành pháp luật thuế của một số doanh nghiệp, Hợp tác xã, nhất là các cá nhân kinh doanh vận tải chưa nghiêm, phần lớn các cá nhân lợi dụng tính chất đặc thù của ngành kinh doanh vận tải là kinh doanh lưu động, không có địa điểm xác định, khó quản lý nên không đăng ký, kê khai, trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế.

Phần thứ ba

GIẢI PHÁP VÀ TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ CHỦ YẾU

1. Nhóm giải pháp tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế

- Ngành Thuế phối hợp với các ngành liên quan, các cơ quan thông tin đại chúng, đặc biệt là phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh tăng cường vận động, tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật thuế để các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải đường bộ hiểu rõ trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế; trong đó, cần lưu ý đối với trường hợp các phương tiện hoạt động kinh doanh tại Trà Vinh nhưng đăng ký bảng số xe tại địa phương khác phải thực hiện kê khai, nộp thuế tại Trà Vinh theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế.

- Thường xuyên phối hợp, tổ chức đối thoại với người nộp thuế, nâng cao chất lượng tư vấn hỗ trợ người nộp thuế; duy trì đường dây nóng, hộp thư điện tử để nắm bắt kịp thời các thông tin từ các tổ chức, cá nhân và người nộp thuế.

- Kịp thời tuyên dương những tổ chức, cá nhân chấp hành tốt nghĩa vụ thuế. Đồng thời xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật các hành vi trốn thuế, gian lận thuế của các chủ phương tiện kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh.

2. Nhóm giải pháp quản lý người nộp thuế

2.1. Quản lý người nộp thuế, phương tiện kinh doanh vận tải

a. Quản lý việc đăng ký hoạt động, đăng ký thuế đối với phương tiện kinh doanh vận tải:

- Tổ chức, cá nhân phải thực hiện đăng ký hoạt động kinh doanh vận tải theo quy định tại Điều 66, Điều 67 Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008 và theo quy định tại Chương II, Chương III Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh vận tải phải thực hiện đăng ký thuế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động vận tải tại cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019.

- Khi ngưng hoạt động kinh doanh vận tải, các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân kinh doanh phải thông báo cho cơ quan cấp phép hoạt động kinh doanh vận tải, đồng thời thông báo cho cơ quan thuế theo dõi, giám sát việc kê khai thuế.

- Khi tăng, giảm số lượng xe kinh doanh vận tải, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan giao thông vận tải, cơ quan quản lý thuế trực tiếp để quản lý hoạt động vận tải, quản lý thuế phù hợp với số lượng phương tiện thực tế kinh doanh.

b. Quản lý việc đăng ký quyền sở hữu tài sản phương tiện vận tải:

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã (trừ doanh nghiệp tư nhân) có phương tiện vận tải (trừ phương tiện thuê hoặc thuê mua tài chính theo hợp đồng thuê tài sản hoặc hợp đồng thuê mua tài chính, hợp đồng dịch vụ) phải đăng ký quyền sở hữu tài sản của chính doanh nghiệp, hợp tác xã theo đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật dân sự ngày 24/11/2015 và theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã.

- Hộ gia đình, cá nhân mua xe ô tô của các tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh vận tải phải làm thủ tục sang tên trước bạ, đăng ký quyền sở hữu chính chủ và đăng ký kinh doanh vận tải trước khi hoạt động.

- Phương tiện tham gia kinh doanh vận tải phải thực hiện đăng ký, cấp đổi biển số xe màu vàng theo quy định tại khoản 6 Điều 25 Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an về quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

2.2. Quản lý hoạt động vận tải, kê khai nộp thuế

a. Quản lý hoạt động vận tải:

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải phải hoạt động kinh doanh theo đúng tuyến, đúng bến bãi, đúng hình thức hoạt động kinh doanh vận tải theo giấy phép do cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép.

- Mở sổ sách kế toán để ghi chép, theo dõi hoạt động kinh doanh vận tải, sử dụng chứng từ, hóa đơn theo quy định của pháp luật về chế độ kế toán để hạch toán, kê khai đúng doanh thu thực tế phát sinh và nộp thuế đầy đủ theo quy định.

- Các Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải phải sử dụng phần mềm trong công tác quản lý phương tiện, quản lý lái xe, lưu trữ hồ sơ, vé điện tử, hóa đơn điện tử. Cung cấp tài khoản truy cập vào máy chủ cho cơ quan quản lý nhà nước để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện việc lắp đặt đồng hồ tính cước, camera hành trình, theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải và hướng dẫn của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Trà Vinh.

b. Về kê khai, nộp thuế:

b1. Đối với doanh nghiệp, Hợp tác xã kinh doanh vận tải nộp thuế theo phương pháp khấu trừ:

- Khai thuế, nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo tháng hoặc quý, tạm nộp thuế TNDN theo quý và hàng năm thực hiện nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN, nộp thuế TNDN theo quyết toán đúng quy định của Luật Quản lý thuế; đồng thời, phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 13 (kinh doanh vận tải hành khách) và khoản 1 Điều 14 (kinh doanh vận tải hàng hóa) Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; theo đó: Doanh nghiệp, Hợp tác xã kinh doanh vận tải phải là đơn vị thực hiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, phải thực hiện mở sổ sách kế toán, chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi, điều hành hoạt động kinh doanh, thực hiện kê khai nộp thuế, chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp, Hợp tác xã.

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã căn cứ quy mô hoạt động, doanh thu phát sinh đối với hoạt động kinh doanh vận tải để đăng ký kê khai thuế GTGT theo quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số

209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng: phương pháp khấu trừ (quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) hoặc phương pháp trực tiếp (quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC).

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã kê khai thuế theo tháng hoặc quý, có mức doanh thu kê khai trung bình hàng tháng tính theo đầu phương tiện thấp hơn mức doanh thu tối thiểu quy định tại phụ lục 1 Đề án này được xếp vào diện rủi ro cao về thuế; cơ quan thuế phối hợp với các cơ quan có liên quan áp dụng các biện pháp kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động kinh doanh để xác định doanh thu thực tế theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Giao thông đường bộ.

- Cơ quan thuế phối hợp với cơ quan giao thông vận tải theo dõi chặt chẽ các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động cùng loại hình, tuyến vận tải, số lượng phương tiện tham gia kinh doanh vận tải,... để xem xét so sánh việc kê khai thuế, nộp thuế của các doanh nghiệp, hợp tác xã. Trường hợp phát hiện dấu hiệu kê khai thuế không phù hợp với quy mô, số lượng phương tiện kinh doanh vận tải; cơ quan thuế căn cứ dữ liệu của ngành thuế, các thông tin thu thập về doanh thu và số thuế phải nộp bình quân của phương tiện vận tải cùng loại, của một số đơn vị kinh doanh vận tải tại địa phương và tài liệu, kết quả kiểm tra, thanh tra để thực hiện ấn định thuế theo quy định tại Điều 50 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đối với xe vận tải hành khách theo hợp đồng, hoạt động thường xuyên trên một tuyến cố định nếu có căn cứ xác định kê khai thuế không phù hợp doanh thu thực tế thì ấn định thuế theo số thuế phải nộp như xe chạy tuyến cố định. Doanh nghiệp phải nộp đủ số thuế do cơ quan thuế ấn định hoặc bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế nếu không chấp hành nộp vào NSNN.

b2. Đối với tổ chức kinh doanh vận tải hợp tác kinh doanh với cá nhân có cùng ngành nghề kinh doanh (áp dụng đối với xe hợp đồng, du lịch, vận tải hàng hóa):

- Tổ chức có trách nhiệm khai thuế GTGT đối với toàn bộ doanh thu của hoạt động hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế của tổ chức mà không phân biệt hình thức phân chia kết quả hợp tác kinh doanh, đồng thời khai thay và nộp thay thuế thu nhập cá nhân cho cá nhân hợp tác kinh doanh theo quy định pháp luật thuế.

- Trường hợp cá nhân là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện hợp tác kinh doanh có quy mô lớn theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế theo phương pháp kê khai; cá nhân có ngành nghề đang hoạt động cùng với ngành nghề hợp tác kinh doanh với tổ chức thì tổ chức và cá nhân tự thực hiện khai thuế tương ứng với kết quả thực tế hợp tác kinh doanh theo quy định.

- Các trường hợp xe ô tô của cá nhân trước đây hợp tác kinh doanh với hợp tác xã, doanh nghiệp kinh doanh loại hình xe taxi đang thực hiện nộp thuế khoán tại các Chi cục Thuế, phải thực hiện đăng ký vào hợp tác xã, doanh nghiệp để quản lý kê khai tập trung theo hợp tác xã, doanh nghiệp hoặc chuyển sang hình thức xe hợp đồng, du lịch theo quy định tại Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

c. Đối với cá nhân kinh doanh vận tải:

c1. Cá nhân kinh doanh vận tải tùy quy mô, tính chất hoạt động có thể áp dụng các hình thức kê khai như sau:

- Phương pháp kê khai: thực hiện kê khai theo tháng hoặc kê khai theo quý nếu đáp ứng các tiêu chí kê khai theo quý; thực hiện chế độ kế toán theo Thông tư số 88/2021/TT-BTC ngày 10/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, hoặc được lựa chọn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp siêu nhỏ theo nhu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; sử dụng hóa đơn chứng từ theo quy định và không phải thực hiện quyết toán thuế.

- Phương pháp khoán: khoán thuế nộp theo năm (quy định tại Điều 44, Luật Quản lý thuế); trường hợp hộ khoán sử dụng hóa đơn do cơ quan thuế cấp, bán lẻ theo từng số thì hộ khoán khai thuế, nộp riêng đối với doanh thu phát sinh trên hóa đơn đó theo từng lần phát sinh (doanh thu tính thuế được căn cứ theo doanh thu khoán và doanh thu trên hóa đơn) theo quy định tại Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Theo từng lần phát sinh: kê khai và nộp thuế theo từng lần phát sinh khi có phát sinh doanh thu chịu thuế theo quy định tại Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

c2. Cá nhân kinh doanh vận tải nộp thuế GTGT, thuế TNCN theo mức thuế khoán của từng phương tiện vận tải, dựa trên cơ sở tài liệu kê khai, kết quả điều tra thực tế và tham vấn Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn để xác định doanh thu khoán thuế đúng quy trình quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh, nhưng không được thấp hơn mức doanh thu tối thiểu quy định tại phụ lục 1 kèm theo Đề án này.

c3. Căn cứ vào trọng tải hoặc số ghế thiết kế ghi trên Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của từng phương tiện, căn cứ doanh thu của các phương tiện tương tự trên địa bàn để tính thuế khoán của từng phương tiện vận tải theo quy định của Luật Quản lý thuế, nhưng không được thấp hơn mức doanh thu tối thiểu quy định tại phụ lục 1 kèm theo Đề án này.

c4. Trường hợp cá nhân kinh doanh áp dụng phương pháp kê khai nhưng kê khai không đúng doanh thu phát sinh, dẫn đến giảm số thuế phải nộp sẽ bị ấn định thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế; đồng thời, bị xử lý vi phạm về thuế theo quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

c5. Cá nhân kinh doanh có phương tiện vận tải tạm ngừng, nghỉ kinh doanh phải thông báo bằng văn bản đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất 03 (ba) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn để cơ quan thuế giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế theo quy định tại khoản 5, điều 11 Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

c6. Cá nhân kinh doanh vận tải khi bán phương tiện, di chuyển đến địa phương khác phải hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi bán phương tiện vận tải. Trường hợp cá nhân kinh doanh chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế thì cơ quan thuế nơi cá nhân kinh doanh bán phương tiện, có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin cho cơ quan thuế nơi cá nhân kinh doanh mua phương tiện, chuyển đến để truy thu số thuế cá nhân kinh doanh còn phải thực hiện với NSNN; đồng thời xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.

2.3. Thực hiện việc niêm yết giá, sử dụng hóa đơn kinh doanh vận tải

Doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động kinh doanh vận tải phải thực hiện niêm yết giá theo đúng quy định tại Luật Giá ngày 20/6/2012, xuất hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá niêm yết.

2.3.1. Đối với hộ, cá nhân kinh doanh vận tải: thì sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính Phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

2.3.2. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách phải thực hiện đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử đúng quy định tại khoản 14 Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, quy định về hóa đơn, chứng từ.

2.3.3. Khi cung cấp dịch vụ vận tải phải lập và giao hóa đơn, vé cho khách hàng đúng quy định; không được sử dụng phiếu đặt chỗ, phiếu nhận hàng hoặc giấy tờ khác để thay cho hóa đơn, vé được quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP nêu trên.

3. Nhóm giải pháp thanh tra, kiểm tra thuế

- Ngành Thuế ngoài việc thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thu theo chức năng, nhiệm vụ của ngành còn phải chủ động phối hợp với các ngành: Giao thông vận tải, Công an và các ngành có liên quan, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải nhằm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý kịp thời các hành vi trốn thuế, các phương tiện vận tải không sang tên đăng ký chính chủ, không đăng ký kinh doanh và kê khai nộp thuế. Qua thanh tra, kiểm tra hoặc qua thu thập thông tin nếu đủ cơ sở kết luận là hành vi trốn thuế thì xử lý theo quy định tại Luật Quản lý thuế hoặc chuyển hồ sơ đến các cơ quan có thẩm quyền truy tố về tội trốn thuế theo quy định của Bộ luật Hình sự, thu hồi giấy phép kinh doanh vận tải.

- Thường xuyên tiến hành khảo sát, phân tích rủi ro về thuế chọn những đối tượng có dấu hiệu nghi vấn về hành vi gian lận, trốn thuế hoặc doanh thu kê khai

thấp hơn doanh thu tối thiểu tại phụ lục 1 để lập kế hoạch phối hợp với các ngành (Phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông Vận tải, Phòng Cảnh sát giao thông thuộc Công an tỉnh và Chi nhánh Đăng kiểm xe cơ giới tỉnh) thu thập thông tin để tiến hành thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý theo quy định pháp luật đối với cá nhân kinh doanh vận tải xin tạm ngừng, nghỉ kinh doanh nhưng thực tế vẫn hoạt động.

- Thanh tra Giao thông thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về kinh doanh vận tải: kiểm tra giấy phép, phù hiệu kinh doanh vận tải, lệnh vận chuyển, hợp đồng vận chuyển, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hoạt động kinh doanh vận tải, nghĩa vụ thuế theo quy định hiện hành, chuyên hồ sơ vụ việc vi phạm cho cơ quan thuế để quản lý thuế theo quy định.

- Các Chi cục Thuế tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, củng cố Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn theo hướng dẫn của Luật Quản lý thuế, nhằm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý thuế đối với phương tiện vận tải của các cá nhân có hoạt động kinh doanh trên địa bàn.

II. TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cục Thuế

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp chống thất thu thuế khi đề án được UBND tỉnh phê duyệt.

- Chủ động phối hợp, trao đổi thông tin với các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan để kịp thời chấn chỉnh, xử lý các vướng mắc phát sinh khi triển khai thực hiện Đề án.

- Thường xuyên cập nhật đầy đủ thông tin về người nộp thuế đã đăng ký thuế kinh doanh vận tải bằng ô tô trên địa bàn. Phân loại loại hình kinh doanh vận tải hàng hóa, vận tải hành khách (tuyến cố định, xe hợp đồng, xe du lịch, xe buýt, xe taxi...); tổng hợp số liệu định kỳ hàng quý làm cơ sở đối chiếu với số liệu đăng ký phương tiện vận tải do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh cung cấp; số liệu cấp giấy phép, cấp phù hiệu kinh doanh vận tải do Sở Giao thông Vận tải cung cấp; số liệu đăng kiểm do Chi nhánh Đăng kiểm xe cơ giới tỉnh cung cấp để có biện pháp quản lý thu thuế phù hợp, chặt chẽ không để thất thu thuế (*tổng hợp theo Mẫu biểu số 1*).

- Quản lý thuế chặt chẽ, thống nhất đảm bảo công bằng trong hoạt động kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp, Hợp tác xã, nhất là doanh nghiệp, Hợp tác xã có quy mô kinh doanh lớn trên địa bàn (có đăng ký hoạt động bến bãi, bến xe khách) đưa vào giám sát trọng điểm, quản lý theo rủi ro; thường xuyên rà soát dữ liệu kinh doanh, kê khai nộp thuế của các doanh nghiệp này để tiến hành thanh tra, kiểm tra xử lý theo quy định.

- Công khai và thường xuyên cập nhật, công khai thông tin chủ phương tiện, biển số xe có kinh doanh vận tải nhưng chưa đăng ký nộp thuế, nợ tiền thuế trên 90 ngày trên Website của Ngành thuế để các ngành phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm hoặc công khai thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy

định khoản 1, điều 29 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

- Chỉ đạo bộ phận thu lệ phí trước bạ các Chi cục Thuế kiểm tra chứng từ thu thuế kinh doanh vận tải đối với các phương tiện đã cấp giấy đăng ký xe (biển số) chuyển nhượng mua, bán trước khi làm thủ tục trước bạ; hàng tháng cung cấp danh sách các đầu xe làm thủ tục trước bạ trên địa bàn cho các Đội kiểm tra, Đội Quản lý thuế liên xã, phường, thị trấn theo dõi, quản lý thuế.

- Hàng năm, Chỉ đạo Chi cục Thuế rà soát hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn, nếu có biến động doanh thu tăng từ 50% trở lên, Cục Thuế xem xét, điều chỉnh kịp thời doanh thu và doanh thu tối thiểu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Đề án này để trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Sở Giao thông Vận tải

- Tăng cường công tác kiểm tra nhằm quản lý chặt chẽ các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, cá nhân hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn theo đúng loại hình kinh doanh quy định tại Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, phát hiện xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Cung cấp thông tin, dữ liệu tổ chức, cá nhân và phương tiện hoạt động kinh doanh vận tải cho Cục Thuế trước ngày 20 tháng đầu quý sau bằng văn bản và file mềm vào địa chỉ thư điện tử: Phong Thanh tra-Kiểm tra 2 (TVI) Phongkiemtrathue.tvi@gdt.gov.vn.

- Đối với xe biển số của các tỉnh, thành phố khác đến xin cấp phù hiệu kinh doanh vận tải tại Trà Vinh, sau khi cấp phù hiệu thực hiện thông báo cho Cục Thuế phối hợp quản lý thuế.

- Công khai các xe có vi phạm quy định trong hoạt động kinh doanh vận tải lên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông Vận tải.

- Tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá niêm yết, đồng thời có trách nhiệm thông báo cho Cục Thuế để phối hợp trong việc quản lý kê khai niêm yết giá cước vận tải.

3. Công an tỉnh

- Chỉ đạo Phòng Cảnh sát giao thông, trước ngày 20 tháng đầu quý sau thông báo danh sách các phương tiện vận tải đăng ký mới (biển số màu trắng và biển số màu vàng) gửi Cục Thuế bằng văn bản và gửi file mềm vào địa chỉ thư điện tử: Phong Thanh tra-Kiểm tra 2 (TVI) Phongkiemtrathue.tvi@gdt.gov.vn để phối hợp quản lý thuế.

- Chỉ đạo Công an huyện, thị xã, thành phố triển khai công an các xã, phường, thị trấn phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế thống kê các phương tiện vận tải của các tổ chức, cá nhân có kinh doanh vận tải trên địa bàn; phối hợp với cơ quan thuế xử lý các chủ phương tiện có kinh doanh nhưng không đăng ký kinh doanh, không đăng ký kê khai, nộp thuế.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp Cục Thuế trao đổi thông tin về việc thành lập mới, đăng ký kinh doanh, thay đổi bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, sáp nhập, chia, tách, giải thể hoặc phá sản của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh thông qua hệ thống liên thông và cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh Quốc gia.

5. Chi nhánh đăng kiểm Trà Vinh

Trước ngày 20 tháng đầu quý sau, cung cấp thông tin cho Cục Thuế danh sách các phương tiện vận tải ô tô đã đến đăng kiểm tại Chi nhánh bằng cách gửi file mềm vào địa chỉ thư điện tử: [Phong.Thanh.tra-Kiem.tra.2 \(TVI\) Phongkiemtrathue.tvi@gdt.gov.vn](mailto:Phong.Thanh.tra-Kiem.tra.2(TVI)Phongkiemtrathue.tvi@gdt.gov.vn), trong đó gồm các thông tin như: loại xe, biển số xe, trọng tải xe, tên và địa chỉ chủ sở hữu phương tiện để Cơ quan thuế đối chiếu, quản lý thuế.

6. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

- Tuyên truyền, vận động các Hợp tác xã vận tải, thành viên Hợp tác xã vận tải thực hiện đúng quy định về hoạt động kinh doanh vận tải, kê khai, nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật và Đề án này; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế của Hợp tác xã và các thành viên Hợp tác xã.

- Tích cực hỗ trợ cơ quan thuế trong việc xử lý nghiêm các Hợp tác xã và các thành viên Hợp tác xã kinh doanh vận tải vi phạm pháp luật về không kê khai, nộp thuế.

7. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, trong thời gian từ ngày 20/11 đến ngày 05/12 hàng năm triển khai cho Hội đồng tư vấn thuế phối hợp với công an xã, phường, thị trấn thống kê hộ gia đình, cá nhân và phương tiện có kinh doanh vận tải trên địa bàn khóm, ấp để làm cơ sở lập bộ, khoán thuế cho năm sau (*thống kê theo phụ lục 2a*).

- Chỉ đạo các Phòng: Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, Phòng Tài chính kế hoạch phối hợp cơ quan thuế và UBND các xã, phường, thị trấn rà soát, thống kê toàn bộ tổ chức, cá nhân và số lượng phương tiện ô tô có hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn đến thời điểm 31/12 hàng năm, đối chiếu với số liệu do Sở Giao thông Vận tải Trà Vinh cung cấp cùng thời điểm để làm cơ sở quản lý thu thuế, báo cáo UBND huyện, thị xã, thành phố phê duyệt triển khai thực hiện, theo dõi; đồng thời, gửi kết quả về Cục Thuế chậm nhất ngày 05/01 năm sau để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (*tổng hợp theo phụ lục 2b*).

- Căn cứ báo cáo danh sách các hộ kinh doanh còn nợ thuế của Chi cục Thuế, chỉ đạo các ngành chức năng; UBND xã, phường, thị trấn phối hợp để đôn đốc thu hồi tiền thuế, chống thất thu thuế đối với cá nhân, tổ chức kinh doanh vận tải trên địa bàn.

- Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố trước ngày 20 tháng đầu quý sau cung cấp danh sách các Hợp tác xã, cá nhân được

cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nói chung và cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải nói riêng của quý trước cho Chi cục Thuế trực tiếp quản lý, lập bộ, quản lý thu thuế theo quy định.

8. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải

- Nghiêm chỉnh chấp hành và thực hiện theo nội dung Đề án và các quy định khác của pháp luật về hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
- Thực hiện kinh doanh vận tải, kê khai, nộp thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải theo đúng quy định, trường hợp vi phạm sẽ bị thu hồi giấy phép, xử lý theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và Luật Quản lý thuế.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Sử dụng kinh phí khoán chi của ngành thuế và kinh phí từ ngân sách tỉnh hỗ trợ cho Ban chỉ đạo chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ tình hình thực tế của từng địa phương có trách nhiệm phối hợp với ngành thuế chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án này theo chức năng, nhiệm vụ của ngành và phạm vi quản lý của địa phương.
2. Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận tải bằng xe ô tô thực hiện nghiêm túc việc đăng ký, kê khai và nộp thuế đầy đủ theo hướng dẫn tại Đề án này.
3. Cục Thuế tỉnh theo dõi, tổng hợp kết quả, thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên và định kỳ; Định kỳ hàng năm, đánh giá kết quả thực hiện Đề án, xác định những tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện; tiếp nhận vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Đề án, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan để giải quyết hoặc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Đề án cho phù hợp với thực tế quản lý và đúng quy định của pháp luật để trình UBND tỉnh phê duyệt./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (trình phê duyệt);
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Chi cục Thuế khu vực, huyện;
- Lưu: VT, TTKT2.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Trần Công Thành

PHỤ LỤC 1

**BẢNG DOANH THU ÁN ĐỊNH TỐI THIỂU
CỦA MỘT (01) PHƯƠNG TIỆN KINH DOANH VẬN TẢI**

| Số TT | Loại hình kinh doanh vận tải | Đơn vị tính | Doanh thu ấn định (đồng) |
|-----------|--|----------------|--------------------------|
| I | Vận tải hành khách không theo tuyến cố định | | |
| 1 | Vận tải hành khách dưới 15 chỗ ngồi | | |
| | - Đến 5 chỗ ngồi | đồng/xe/tháng | 12.000.000 |
| | - Trên 5 chỗ đến dưới 15 chỗ ngồi | đồng/xe/tháng | 15.000.000 |
| 2 | Vận tải khách từ 15 chỗ ngồi trở lên | | |
| a | Xe thông thường (ghế ngồi) | đồng/ghế/tháng | 1.800.000 |
| b | Xe ghế nằm, giường nằm | đồng/ghế/tháng | 2.400.000 |
| 3 | Vận tải hành khách tuyến cố định | | |
| a | Tính theo giá vé kê khai giá của NNT | | |
| b | Trường hợp không kê khai giá | | |
| | Tính theo giá vé kê khai giá của NNT cùng tuyến | | |
| II | Vận tải hàng hóa các loại | | |
| 1 | Xe vận tải hàng hóa đến 3 tấn | | |
| | Xe đến 1 tấn | đồng/xe/tháng | 9.000.000 |
| | Xe trên 1 tấn đến 2 tấn | đồng/xe/tháng | 11.000.000 |
| | Xe trên 2 tấn đến 3 tấn | đồng/xe/tháng | 13.000.000 |
| 2 | Xe vận tải hàng hóa trên 3 tấn | | |
| | - Trọng tải đến 10 tấn | đồng/tấn/tháng | 3.600.000 |
| | - Trọng tải trên 10 tấn | đồng/tấn/tháng | 3.000.000 |

PHỤ LỤC 2a

UBND Huyện, Thị xã, Thành phố....

UBND Xã, Phường, Thị trấn...

Khóm, Ấp

THỐNG KÊ DANH SÁCH CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TRÊN ĐỊA BÀN ...

(Thời điểm thống kê đến, ngày.... tháng ... năm)

| Số TT | Họ và Tên tổ chức, cá nhân đứng tên chủ phương tiện vận tải | Địa chỉ nơi đăng ký thường trú của chủ phương tiện | Họ và Tên người đứng tên kinh doanh | Nơi đăng ký kê khai, nộp thuế | Mã số thuế | Đặc điểm tài sản (xe ô tô) | | | | Thời gian bắt đầu kinh doanh vận tải | Tuyến đường vận doanh | Thực hiện nghĩa vụ thuế | | |
|-------|---|--|-------------------------------------|-------------------------------|------------|----------------------------|---------|-----------------|-----------|--------------------------------------|-----------------------|---|--------------------------------------|--------|
| | | | | | | Biển số xe | Loại xe | Năm sản xuất xe | Trọng tải | | | Tổng thuế 1 tháng hiện nay (1.000 đồng) | Chưa kê khai nộp thuế (ghi chưa nộp) | |
| | | | | | | | | | Số tấn | | | | | Số ghé |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |

Cán bộ quản lý thuế địa bàn
(Ký, họ và tên)

Trưởng khóm (Ấp)....
(Ký, họ và tên)

PHỤ LỤC 2b**UBND HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ****BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÔNG KÊ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ SỐ LƯỢNG
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TRÊN ĐỊA BÀN (HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ)
(Tính đến thời điểm ngày/.../....)***Đơn vị tính: xe*

| Số TT | Thành phần kinh tế kinh doanh vận tải | Tổng số tổ chức cá nhân kinh doanh vận tải | Xe kinh doanh vận tải hành khách | | | | | Xe kinh doanh vận tải hàng hóa | Tổng số xe kinh doanh vận tải | Ghi chú |
|----------|---|---|----------------------------------|---------------------|-------------|------|------------|---|---|------------|
| | | | Tổng số | Tuyển cố định | Hợp đồng | Taxi | Xe buýt | | | |
| A | B | 1 | 2=3+4+5+6+7 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9=2+8 |
| 1 | Cty cổ phần | | | | | | | | | |
| 2 | Cty TNHH | | | | | | | | | |
| 3 | Doanh nghiệp tư nhân | | | | | | | | | |
| 4 | Hợp tác xã | | | | | | | | | |
| | - Xe thuộc sở hữu HTX | | | | | | | | | |
| | - Xe của thành viên HTX | | | | | | | | | |
| 5 | Cá nhân kinh doanh vận tải | | | | | | | | | |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | | | | |

- Ghi chú: Kèm theo danh sách chi tiết từng đầu xe, file mềm chuyển qua thư điện tử Cục Thuế theo địa chỉ: Phong Thanh tra-Kiểm tra 2 (TVI) Phongkiemtrathue.tvi@gdt.gov.vn.
- Trên cơ sở số liệu tổng hợp từ phụ lục 2a

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUẢN LÝ THU THUẾ
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI NĂM 2022**

Đơn vị tính: đồng

| STT | Diễn Giải | Năm 2022 | | | | | |
|----------|-----------------------------|------------------------------|----------------|------------------------------------|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | Tổng số cơ sở, hộ kinh doanh | Tổng số đầu xe | Tổng số đầu xe có kê khai nộp thuế | Kết quả lập bộ, thu thuế 2022 | | |
| | | | | | Tổng doanh thu | Tổng số thuế phải nộp | Thuế B/q tháng/đầu xe |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=5/3 |
| 1 | Cty Cổ phần | 3 | 25 | 25 | 16.012.648.490 | 105.249.658 | 350.832 |
| | - Vận tải hành khách | 2 | 24 | 24 | 14.781.905.070 | 5.137.760 | 17.839 |
| | - Vận tải hàng hóa | 1 | 1 | 1 | 1.230.743.420 | 100.111.898 | 8.342.658 |
| 2 | Cty TNHH | 14 | 146 | 146 | 88.926.547.473 | 707.984.925 | 404.101 |
| | - Vận tải hành khách | 5 | 64 | 64 | 10.328.628.888 | 262.927.535 | 150.073 |
| | - Vận tải hàng hóa | 9 | 82 | 82 | 78.597.918.585 | 445.057.390 | 254.028 |
| 3 | Hợp tác xã | 8 | 1.951 | 0 | 0 | 111.658.415 | 0 |
| | - Vận tải hành khách | 3 | 1.417 | 0 | 0 | 58.371.138 | 0 |
| | - Vận tải hàng hóa | 5 | 534 | 0 | 0 | 53.287.277 | 0 |
| 4 | Doanh nghiệp tư nhân | 3 | 89 | 89 | 58.753.024.148 | 656.366.218 | 614.575 |
| | - Vận tải hành khách | 2 | 83 | 83 | 57.449.394.148 | 656.038.153 | 658.673 |
| | - Vận tải hàng hóa | 1 | 6 | 6 | 1.303.630.000 | 328.065 | 4.556 |
| 5 | Hộ kinh doanh cá thể | 126 | 144 | 144 | 0 | 1.198.538.048 | 693.598 |
| | - Vận tải hành khách | 0 | 0 | 0 | | 0 | 0 |
| | - Vận tải hàng hóa | 126 | 144 | 144 | | 1.198.538.048 | 693.598 |
| | TỔNG CỘNG | 154 | 2.355 | 404 | 163.692.220.111 | 2.779.797.264 | 573.391 |
| | - Vận tải hành khách | 12 | 1.588 | 171 | 82.559.928.106 | 982.474.586 | 202.656 |
| | - Vận tải hàng hóa | 142 | 767 | 233 | 81.132.292.005 | 1.797.322.678 | 370.735 |

